

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LV
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2019/HS-ST
Ngày: 22-8-2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LV, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chung Thị Thu Nguyệt;

Ông Nguyễn Vạn Thế.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hoàng Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện LV.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/HSST-QĐ ngày 07/8/2019 đối với các bị cáo:

1. Ngô Văn Tr (Chường), sinh năm 1978; nơi sinh: xã Bình Thạnh Trung, huyện LV, Đồng Tháp; nơi cư trú: Số 327 ấp Bình Hiệp B, xã Bình Thạnh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn Ổ và bà Thái Thị Cầu; vợ: Lê Thị Th; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày: 02/12/2018; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 07/01/2019. Hiện đang tại ngoại.

2. Trần Minh Q, sinh năm 1971; nơi sinh: Thị trấn LV, huyện LV, Đồng Tháp; nơi cư trú: Số 355 khóm Bình Thạnh 1, Thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Xem và bà Nguyễn Thị Định; vợ: Lê Thị Xuân L, có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày: 02/12/2018; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 07/01/2019. Hiện đang tại ngoại.

3. Lê Văn Th (Dụm), sinh năm 1979; nơi sinh: xã Bình Thạnh Trung, huyện LV, Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp Bình Hiệp B, xã Bình Thạnh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn

Hồng và bà Huỳnh Thị Lui; vợ: Nguyễn Thị Bé Bảy, có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: ngày 10/02/2011 bị Công an huyện LV xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 07/01/2019. Hiện đang tại ngoại.

- Bị hại:

Công ty TNHH tập đoàn công trình giao thông tỉnh Giang Tô – Nhà thầu chính gói thầu CW2AB – Dự án kết nối khu vực trung tâm đồng bằng sông Mê Kông.

Người đại diện hợp pháp ông Chen Bei – Phó giám đốc dự án Công ty TNHH tập đoàn công trình giao thông tỉnh Giang Tô – Nhà thầu chính gói thầu CW2AB – Dự án kết nối khu vực trung tâm đồng bằng sông Mê Kông.

Người đại diện hợp pháp của ông Chen Bei: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 30, đường 3359A Phạm Thế Hiển, phường 7, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18/01/2019) (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Thị Th, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Số 151, ấp Bình Hiệp B, xã Bình Thạnh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

2. Lê Thị Xuân L, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Số 355, khóm Bình Thạnh 1, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Trần Văn M, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: ấp Bình Hiệp B, xã Bình Thạnh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

2. Võ Văn H (Cọp), sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: khóm Bình Thạnh 1, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

3. Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Số 241, ấp Bình Thạnh, xã Bình Thạnh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

4. Nguyễn Văn Th, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: khóm Bình Phú Quới, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 01/12/2018, trong lúc uống cà phê, Ngô Văn Tr rủ Trần Minh Q và Lê Văn Th đi trộm sắt trên cầu tạm 2/9 thuộc ấp Bình Thạnh, xã Bình Thạnh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp để bán lấy tiền tiêu xài thì Q và Th đồng ý.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, Tr điều khiển xe mô tô biển số 67M1-026.86, Q điều khiển xe mô tô biển số 66V1.043.99 và Th điều khiển xe mô tô biển số 66VA-047.57 đến khu vực cầu tạm 2/9 để trộm sắt trên cầu. Khi đến nơi Tr lấy cây xà beng cắt giằng gần đó đưa cho Q, rồi cùng với Q và Th đến

tháo rời 14 chốt nối các Th giằng bỏ vào bao ni-lon nhặt được ở gần đó. Sau khi gỡ các chốt nối, Q điện thoại bán sắt cho ông Trần Văn M, nhưng ông Mười không chịu mua nên Q nhờ ông Mười kêu dùm xe chở sắt về đi tìm vựa phế liệu để bán. Ông Mười gọi điện cho Võ Văn H đến chở thuê cho Q với giá 400.000đồng thì Hòa đồng ý.

Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Hòa điều khiển xe ba gác biển số 61Z1-7886 của Hòa đến cầu tạm 2/9. Do nghĩ là dờn sắt công trình đi nơi khác nên Hòa điều khiển xe vào để Tr, Q và Th cùng khiêng bao chốt nối và 15 Th giằng bằng thép để lên xe chuẩn bị chạy đi thì bị Công an huyện LV phát hiện bắt quả tang.

Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ tại hiện Tr:

1/- 15 (Mười lăm) Th kim loại dùng để xây dựng cầu; 14 chốt nối bằng kim loại; 01 (Một) cây xà beng bằng kim loại;

2/- Thu giữ của:

- Ngô Văn Tr: 01 (Một) xe mô tô ANGEL màu đỏ-xám biển số 67M1-026.86;

- Trần Minh Q: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Staurus màu trắng-đen, biển số 66V1.043.99; 01 điện thoại di động Iphone 7 plus màu đen; Thu giữ và trả lại cho Trần Minh Q số tiền Việt Nam 5.860.000 đồng;

- Lê Văn Th: 01 (Một) xe gắn máy nhãn hiệu ESPERO, màu xanh, biển số 66VA-047.57; 01 (Một) điện thoại di động Nokia 10S màu đen.

- Võ Văn Hòa: 01 (Một) xe ba gác biển số 61Z1-7886; 01 (Một) điện thoại di động Iphone 4 màu đen.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 25/HĐĐG-TS, ngày 06/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện LV kết luận:

- 15 Th cường lực (thường gọi là Th giằng) bằng thép: mỗi Th có trọng lượng 78kg; dài 3,1 mét; ngang 17,5cm; chiều cao 10cm nhà sản xuất Zhejiang, cấu kiện thép dùng để lắp ráp lan can cầu (đã qua sử dụng) có giá là 21.625.434 đồng.

- 14 chốt định vị không ren, kích thước 200 X phi 49,5mm, nhà sản xuất Zhejiang dùng để lắp ráp cầu (đã qua sử dụng) có giá là 1.176.831 đồng.

Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 22.802.265 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06/HĐĐG-TS, ngày 06/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện LV kết luận:

- Giá trị định giá xe mô tô nhãn hiệu ANGEL: 3.500.000 đồng.

- Giá trị định giá xe YAMAHA Staurus: 5.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho Công ty TNHH Tập Đoàn Công Trình Giao Thông tỉnh Giang Tô: 15 (mười lăm) Th cường lực (thường gọi là Th giằng) bằng thép: mỗi Th có trọng lượng 78kg; dài 3,1 mét; ngang 17,5cm; chiều cao 10cm nhà sản xuất Zhejiang, cấu kiện thép dùng để lắp ráp lan can cầu (đã qua sử dụng) và 14 (mười bốn) chốt định vị không ren, kích thước 200 X phi 49,5mm, nhà sản xuất Zhejiang dùng để lắp ráp cầu (đã qua sử dụng). Bị hại không yêu cầu xử lý hình sự đối với các bị cáo.

Quá trình điều tra xác định xe gắn máy nhãn hiệu ESPERO, màu xanh, biển số 66VA-047.57 là của anh Nguyễn Văn T việc Lê Văn Th tự ý lấy xe đi

trộm cắp tài sản anh Tư không biết. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh Tư.

Qua xác minh xe mô tô biển số 67M1-026.86 là tài sản chung của chị Lê Thị Th và bị cáo Ngô Văn Tr, xe mô tô biển số 66V1.043.99 là tài sản chung của chị Lê Thị Xuân L và bị cáo Trần Minh Q. Việc Tr và Q tự ý lấy xe đi trộm cắp tài sản chị Thúy và chị Lan không biết. Nay chị Thúy và chị Lan xin nhận lại xe để sử dụng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, bị cáo Trần Minh Q tự nguyện nộp số tiền 2.500.000 đồng, bằng $\frac{1}{2}$ giá trị xe để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa bị cáo Ngô Văn Tr tự nguyện nộp số tiền 1.750.000 đồng, bằng $\frac{1}{2}$ giá trị xe để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Bản cáo trạng số: 08/CT-VKSLVo ngày 29/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện LV đã truy tố các bị cáo Ngô Văn Tr, Trần Minh Q và Lê Văn Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Ngô Văn Tr, Trần Minh Q và Lê Văn Th thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, người làm chứng và vật chứng thu giữ. Do đó Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với Ngô Văn Tr, Trần Minh Q và Lê Văn Th về tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Ngô Văn Tr, Trần Minh Q và Lê Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn Tr từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Trần Minh Q từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Th từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Phạt bị cáo Ngô Văn Tr, Trần Minh Q và Lê Văn Th mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) cây xà beng bằng kim loại.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, 01 điện thoại Nokia 10S màu đen.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) của Trần Minh Q.

Chấp nhận tự nguyện của bị cáo Ngô Văn Tr nộp 1.750.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Trả lại cho Lê Thị Th xe mô tô biển số 67M1- 026.86 và Lê Thị Xuân L xe mô tô biển số 66V1.043.99.

Trả cho anh Võ Văn H01 điện thoại Iphone 4, màu đen.

Giao xe ba gác biển số 61Z1-7886 cho công an huyện LV xử lý theo quy định.

Về dân sự: Đã giải quyết xong.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ, vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện LV và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện LV và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định và hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị hại, người liên quan và người làm chứng đã được triệu tập, nhưng có đơn xin vắng mặt. Trong quá trình điều tra bị hại, người liên quan và người làm chứng đã có lời khai đầy đủ và rõ ràng. Đồng thời, tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo đề nghị xét xử vắng mặt bị hại, người liên quan và người làm chứng. Xét thấy, sự vắng mặt của bị hại, người liên quan và người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, người liên quan và người làm chứng.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo Tr, Q và Th đều khai thống nhất:

Vào ngày 01/12/2018, trong lúc uống cà phê, Ngô Văn Tr rủ Trần Minh Q và Lê Văn Th đi trộm sắt trên cầu tạm 2/9 thuộc ấp Bình Thạnh, xã Bình Thạnh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp để bán lấy tiền tiêu xài thì Q và Th đồng ý và điều khiển xe mô tô đến cầu tạm 2/9 dùng xà beng cạy các Th sắt để lên xe ba gác thì bị phát hiện và bắt giữ. Tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm của bị hại là 22.802.265 đồng (Hai mươi hai triệu tám trăm lẻ hai nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng).

[4] Lời khai của các bị cáo Tr, Q và Th tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện Tr, biên bản thu giữ tài sản, kết quả định giá cùng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cho thấy việc Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Tr, Q và Th ra trước phiên tòa về hành vi phạm tội như đã nêu trên là có căn cứ, cũng như lời luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo là đúng. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận lời luận tội của kiểm sát viên đối với các bị cáo Tr, Q và Th là đúng và hành vi của các bị cáo là có tội.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương nơi xảy ra vụ án. Do đó, việc đưa các bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là việc làm cần thiết.

Các bị cáo Tr, Q và Th là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe để lao động nuôi sống bản thân và gia đình, nhưng do một lúc thiếu suy nghĩ, nên đã có hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Trong vụ án này, Tr, Q và Th cùng tham gia thực hiện tội phạm nhưng không có sự câu kết chặt chẽ với nhau cũng không có sự phân công, bàn bạc, sắp đặt vai trò cụ thể cho nhau và hứa hẹn ăn chia cụ thể như thế nào nên đây chỉ là dạng đồng phạm giản đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét về nhân thân, hành vi, động cơ, tính chất, mức độ và hậu quả trong việc phạm tội của từng bị cáo có khác nhau. Cho nên, cần xem xét, phân tích vai trò của từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Tr là người chủ động, rủ rê lôi kéo bị cáo Q và Th, bị cáo chuẩn bị phương tiện, công cụ phạm tội và trực tiếp thực hiện tội phạm. Do đó, bị cáo phải là người chịu trách nhiệm chính trong vụ án này.

Bị cáo Q và Th khi nghe bị cáo Tr rủ đi trộm, đáng lý ra các bị cáo phải từ chối và can ngăn, nhưng các bị cáo không làm mà lại đồng ý ngay và trực tiếp thực hiện tội phạm, bị cáo Q còn trực tiếp liên hệ kêu xe ba gác để chở tài sản đi tiêu thụ, nên các bị cáo là đồng phạm với vai trò tích cực.

[6] Tại phiên tòa các bị cáo khai rằng biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện và thực hiện tội phạm đã hoàn thành, việc các bị cáo bị phát hiện là ngoài ý muốn. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra. Việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định là cần thiết, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích gia đình và xã hội đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[7] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết:

Về tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo Tr, Q và Th trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc Tr hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn không yêu cầu xử lý hình sự. Do đó cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: không có.

[8] Về hình phạt bổ sung: Tại phiên tòa các bị cáo đều xác định là đi làm thuê, thu nhập cũng ổn định, nên việc Kiểm sát viên đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp với quy định

của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, phạt bổ sung mỗi bị cáo 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

[9] Đối với ông Trần Văn M có hành vi kêu xe giúp Q để chở sắt và anh Võ Văn H có hành vi dùng xe để chở sắt cho các bị cáo, nhưng ông Mười và anh Hòa không biết đây là sắt các bị cáo trộm nên không xử lý hình sự ông Mười và anh Hòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Đối với xe gắn máy nhãn hiệu ESPERO, màu xanh, biển số 66VA-047.57 quá trình điều tra xác định là của anh Nguyễn Văn T việc Lê Văn Th tự ý lấy xe đi trộm cắp tài sản anh Tư không biết. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh Tư là phù hợp với quy định của pháp luật.

[11] Đối với xe mô tô biển số 67M1-026.86 là tài sản chung của chị Lê Thị Th và Ngô Văn Tr; xe mô tô biển số 66V1.043.99 là tài sản chung của chị Lê Thị Xuân L và Trần Minh Q. Việc Tr và Q tự ý lấy xe đi trộm cắp tài sản chị Thúy và chị Lan không biết. Hiện Trần Minh Q tự nguyện nộp số tiền 2.500.000 đồng, bằng $\frac{1}{2}$ giá trị xe để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tại phiên tòa bị cáo Ngô Văn Tr tự nguyện nộp số tiền 1.750.000 đồng, bằng $\frac{1}{2}$ giá trị xe để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Việc chị Thúy và chị Lan xin nhận lại xe để sử dụng là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Đối với xe ba gác biển số 61Z1-7886 mà Võ Văn H dùng để chở thuê sắt cho Q, nhưng Hòa không biết số tài sản trên do trộm cắp mà có, tuy nhiên qua điều tra xác minh Hòa không cung cấp được giấy tờ xe hợp pháp nên giao cho công an huyện LV xử lý theo quy định là phù hợp.

[13] Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận được tài sản, bị hại không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Về xử lý vật chứng: Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Về án phí: Bị cáo Tr, Q và Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Ngô Văn Tr, Trần Minh Q và Lê Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 17 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn Tr 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/12/2018 đến ngày 07/01/2019.

Xử phạt bị cáo Trần Minh Q 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/12/2018 đến ngày 07/01/2019.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Th 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Phạt bị cáo Ngô Văn Tr, Trần Minh Q và Lê Văn Th mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) cây xà beng bằng kim loại.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen Model: A1784FCCID:BCG-E3092AIC: 579C-E392A đã qua sử dụng; 01 điện thoại Nokia màu đen Model: RM-1134, IMEI:357284084088417 đã qua sử dụng.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) của Trần Minh Q theo biên lai thu số 05672 ngày 23/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LV.

Chấp nhận tự nguyện của bị cáo Ngô Văn Tr nộp 1.750.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Trả lại cho Lê Thị Th xe mô tô biển số 67M1- 026.86, hiệu ANGEL màu đỏ xám, số máy: VMVDAB-H017422, số khung 11HH9H017422 đã qua sử dụng.

Trả lại cho Lê Thị Xuân L xe mô tô biển số 66V1.043.99 hiệu YAMAHA, màu đen trắng, số máy: 16SB002341, số khung: 40BY002082 đã qua sử dụng.

Trả cho anh Võ Văn H01 điện thoại Iphone 4 màu đen Model: A1332 EMC 380 FCCID: BCG-E2380B IC: 579C-E2380B đã qua sử dụng.

Giao xe ba gác biển số 61Z1-7886 màu xanh đã qua sử dụng cho công an huyện LV xử lý theo quy định.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18 tháng 4 năm 2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện LV và Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Ngô Văn Tr, Trần Minh Q và Lê Văn Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở tư pháp Đồng Tháp;
- VKSND huyện LV;
- CQCSĐT CA huyện LV;
- Chi cục THADS huyện LV;
- Bị cáo; Bị hại; NLQ ;
- Lưu: HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hằng